

Bản án số: **02/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 14-3-2019

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chiêm Ngọc Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Hòa.

2/ Ông Huỳnh Quốc Khởi

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Chiêu Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Lý Út Hoài - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14/3/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2019/TLST-HNGĐ ngày 03/01/2019 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/02/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lâm Thị V, sinh năm 1991 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng.

2. *Bị đơn:* Ông Kim Ngọc L, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, xã L, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/11/2018 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lâm Thị V trình bày: Vào năm 2015 bà V và ông Kim Ngọc L được sự chấp thuận của hai gia đình đã tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 34, quyền số 01/2015 ngày 27/02/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng bà cùng đi làm tại tỉnh Bình Dương, chung sống hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do ông L không lo làm ăn, vun đắp gia đình, thường xuyên nhậu nhẹt say xỉn, có mối quan hệ ngoài hôn nhân với người khác. Bà V đã nhiều lần tha thứ và khuyên nhủ nhưng ông L không nghe. Bà V và ông L đã không còn chung sống từ tháng 12/2016 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc nên bà V yêu cầu được ly hôn.

Thời gian chung sống bà V và ông L không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Kim Ngọc L, nhưng ông L không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà V, đồng thời ông L cũng không đến tham gia phiên hòa giải cũng như tham gia phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề xác định: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, tuy nhiên sự chấp hành pháp luật của bị đơn chưa đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lâm Thị V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập xét xử đến lần thứ hai cho ông Kim Ngọc L, nhưng ông L vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Kim Ngọc L.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị V, nhận thấy bà V và ông L tự nguyện chung sống với nhau năm 2015, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện Đ, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 34, ngày 27/02/2015. Quan hệ hôn nhân của bà V và ông L không vi phạm các điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Nhưng sau một thời gian chung sống, đến năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do ông L không lo làm ăn, không quan tâm vun đắp cho hạnh phúc gia đình, dẫn đến mâu thuẫn kéo dài. Hiện bà V nhận thấy cuộc sống chung không hạnh phúc, không còn tình cảm vợ chồng với ông L nên có nguyện vọng ly hôn. Bà V và ông L đã không còn chung sống từ tháng 12/2016 đến nay. Hội đồng xét xử đã phân tích động viên bà V suy nghĩ lại, hàn gắn tình cảm vợ chồng với ông L, nhưng bà V vẫn cương quyết xin được ly hôn, từ đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa các bên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà V được ly hôn với ông L.

[3] Về con chung: Thời gian chung sống bà V trình bày bà và ông L không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà V trình bày tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị của Viện đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Án phí sơ thẩm: Bà V phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Khoản 3 Điều 36, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ vào điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lâm Thị V.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lâm Thị V được ly hôn với ông Kim Ngọc L.

- Về con chung: Bà Lâm Thị V trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lâm Thị V trình bày tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2/ Về án phí sơ thẩm: Bà Lâm Thị V phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền ứng án phí bà V đã nộp 300.000 đồng, theo Biên lai số 0002925, ngày 03/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bà V đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí.

Ông Kim Ngọc L không phải chịu án phí sơ thẩm.

3/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải Thi hành án có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ST (Phòng KTN&THA);
- Đương sự;
- VKSND huyện Đ;
- UBND xã B, huyện Đ, ST
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Chiêm Ngọc Linh